TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 31/5/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh; Bà Trần Thị Liên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà***: Bà Phạm Thị Huệ - Kiểm sát viên.

-***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 29/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty A**;

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số 2/16D T, phường Đ, quận H, thành Phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Đ - Giám đốc công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Trọng T;

Có mặt.

Bị đơn: **Công ty V**;

Địa chỉ trụ sở: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Ngọc N - Giám đốc công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Chí N;

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn Công ty cổ phần A trình bày: Ngày 07/11/2016 Công ty A và Công ty V đã ký kết hợp đồng vận chuyển số 245.04/11/2016/HĐVC, theo đó

Công ty V thuê Công ty A vận chuyển hàng hóa là cọc bê tông, cước vận chuyển là 420.000.000đ/chuyến (đã bao gồm VAT), chi phí cầu cảng, phí bốc xếp hàng 65.003.400đ, tổng cộng bằng 485.003.400đ. Về trách nhiệm thanh toán Công ty V sẽ thanh toán cho Công ty A phí bốc xếp hàng và 30% giá trị cước vận chuyển ngay khi tầu bắt đầu xếp hàng, số tiền còn lại thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán. Ngày 10/11/2016 H 1168 của Công ty A đã bắt đầu bốc xếp hàng là các cọc bê tông lên tầu và thực hiện vận chuyển hàng từ cảng Hải Phòng đến cảng P thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tầu. Ngày 25/11/2016 Công ty A đã vận chuyển hàng P và lập biên bản bản quyết toán hàng hóa cho Công ty V. Ngày 21/11/2016 Công ty A xuất hóa đơn giá trị gia tăng, ngày 28/11/2016 Công ty A đã gửi hồ sơ đề nghị thanh toán gồm hóa đơn giá trị gia tăng, đề nghị thanh toán, biên bản quyết toán hàng hóa. Theo như hợp đồng thì Công ty V phải thanh toán cho Công ty A phí bốc xếp hàng và 30% giá trị cước vận chuyển ngay khi tầu bắt đầu xếp hàng là ngày 10/11/2016. Số tiền còn lại của hợp đồng Công ty V phải thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày Công ty A xuất hóa đơn GTGT. Tuy nhiên Công ty V không thực hiện việc thanh toán theo đúng như thỏa thuận. Ngày 14/11/2016 Công ty V mới thanh toán cho A 126.000.000đ tương đương với 30% giá trị cước vận chuyển, ngày 14/3/2017 thanh toán tiền phí bốc xếp hành hóa là 65.000.000đ, tính đến thời điểm khởi kiện Công ty V còn nợ Công ty A 294.003.400đ. Sau đó vào ngày 9/4/2019 Công ty V thanh toán tiếp cho Công ty A số tiền là 34.003.400đ, nên đến nay Công ty V còn nợ là 260.000.000đ, yêu cầu Công ty V phải thanh toán số tiền gốc còn lại. Về yêu cầu trả tiền lãi: Do Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả tiền lãi cho Công ty A theo mức lãi suất là 9%/năm tính từ 14/3/2017 (ngày Công ty V thanh toán số tiền 65 triệu đồng) trên nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

T*heo bị đơn Công ty V trình bày:* Ngày 07/11/2016 Công ty V và Công ty A đã ký kết hợp đồng vận chuyển số 245.04/11/2016/HĐVC, theo đó Công ty V là bên thuê vận chuyển, Công ty A là bên vận chuyển, hiện nay tại Công ty không còn lưu giữ được bản hợp đồng này mà chỉ còn bản phô tô do Công ty A chuyển cho, đối với Công văn số 30 ngày 16/2/2017 của Công ty V có nội dung thể hiện còn nợ Công ty A là 359.003.400đ, đề nghị lùi thời gian thanh toán tiền là do ông Nguyễn Nhất T người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty V ký. Đến nay Công ty V không thể có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Công ty A được vì do Công ty V có sự thay đổi về người đại diện theo pháp luật và nhân sự phòng kế toán nhưng lại chưa có sự bàn giao giữa người cũ, người mới, hiện tại Công ty cũng không còn lưu giữ được tài liệu gì về công nợ đối với Công ty A nên không thể xác định được số nợ gốc với Công ty A. Về số tiền và những lần Công ty V thanh toán cho Công ty A như đại diện của A

đã trình bày là đúng, lý do V xác định được việc thanh toán là thông qua sổ phụ tại Ngân hàng, còn đối với số công nợ do không còn hồ sơ nên chưa xác định được. Về yêu cầu tiền lãi của Công ty A, Công ty V không chấp nhận vì chưa xác định được nợ gốc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng vận chuyển số 245.04/11/2016/HĐVC ngày 07/11/2016 là 260.000.000đ và tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 14/3/2017 trên số nợ gốc chưa thanh toán.

Bị đơn xác định do Công ty V có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và nhân sự phòng kế toán, không còn lưu giữ được tài liệu hồ sơ công nợ đối với Công ty A nên không xác định được nợ gốc do đó không chấp nhận yêu cầu của A về số tiền gốc và lãi. Căn cứ trên sổ phụ ngân hàng Công ty V xác định đã 3 lần thanh toán cho Công ty A như A trình bày là chính xác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 74, 85, 86, 87, 297, 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc Công ty V thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc là 260.000.000đ và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất 9%/năm từ ngày 14/3/2017 đến ngày xét xử bằng 58.203.000đ, tổng cộng bằng 318.203.000đ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Mục 13 điều khoản chung của hợp đồng vận chuyển số 245.04/11/2016/HĐVC ngày 07/11/2016, Công ty A và Công ty V thỏa thuận nếu có tranh chấp Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa kinh tế thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên thỏa thuận của hai bên không đúng theo quy định tại Điều 35, 37, 38 BLTTDS nên không có hiệu lực. Do đó Công ty A khởi kiện Công ty V đến Tòa án nhân dân huyện Nam Sách – là nơi bị đơn có trụ sở và Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy

định tại Điều 35, 36 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về việc ký kết và nội dung của hợp đồng số 245.04/11/2016/HĐVC ngày 07/11/2016: Nguyên đơn khẳng định ngày 07/11/2016 Công ty A và Công ty V ký kết hợp đồng vận chuyển số 245.04/11/2016/HĐVC phù hợp với tài liệu là bản hợp đồng số 245.04/11/2016/HĐVC do nguyên đơn cung cấp. Theo nội dung trong hợp đồng thể hiện Công ty V thuê Công ty A vận chuyển hàng hóa là cọc bê tông, cước vận chuyển là 420.000.000đ/chuyến (đã bao gồm VAT), chi phí cầu cảng, phí bốc xếp hàng 65.003.400đ, tổng cộng bằng 485.003.400đ; về trách nhiệm thanh toán công ty V thanh toán cho Công ty A phí bốc xếp hàng và 30% giá trị cước vận chuyển ngay khi tầu bắt đầu xếp hàng, số tiền còn lại thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán. Bị đơn Công ty V xác định hiện nay không còn giữ được bản hợp đồng đó nên không xác định được nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên căn vào tài liệu là bản hợp đồng số 245.04/11/2016/HĐVC, lời khai của nguyên đơn đã có đủ cơ sở khẳng định ngày 07/11/2016 Công ty A và Công ty V đã ký hợp hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 245.04/11/2016/HĐVC, khi tham gia ký kết hợp đồng các bên đều tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

- Về quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền nợ gốc: Nguyên đơn xác định ngày 10/11/2016 Công ty A đã thực hiện bốc xếp hàng hóa, ngày 25/11/2016 Công ty A vận chuyển hàng về cảng P, ngày 21/11/2016 Công ty A xuất hóa đơn giá trị gia tăng, ngày 28/11/2016 Công ty A đã gửi hồ sơ đề nghị thanh toán gồm hóa đơn giá trị gia tăng, đề nghị thanh toán, biên bản quyết toán hàng hóa. Phù hợp với các tài liệu chứng cứ là Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho, biên bản quyết toán hàng hóa, các công văn đôn đốc nợ, phiếu gửi bảo đảm. Lời khai của bị đơn tại BL 89 cũng thừa nhận nguyên đơn đã thực hiện xong việc vận chuyển hàng hóa.

Công ty A xác định về việc thanh toán và số tiền còn nợ của Công ty V như sau: Ngày 14/11/2016 thanh toán 126.000.000đ tương đương với 30% giá trị cước vận chuyển, ngày 14/3/2017 thanh toán phí bốc xếp hành hóa là 65.000.000đ, tính đến thời điểm khởi kiện Công ty V còn nợ 294.003.400đ, quá trình chuẩn bị xét xử ngày 9/4/2019 V thanh toán tiếp số tiền là 34.003.400đ, đến nay Công ty Vn còn nợ Công ty A là 260.000.000đ. Công ty V không thừa nhận số nợ đó và trình bày do thay đổi người đại diện theo pháp luật, không còn lưu giữ hồ sơ công nợ của Công ty A nên không xác định được số nợ gốc tuy nhiên thừa nhận đã 3 lần thanh toán cho Công ty A tổng bằng 221.003.400đ như A trình bày. Tại công văn số 30 ngày 16/2/2017 của

Công ty V cũng đã thể hiện số tiền còn nợ đối với Công ty A là 359.003.400đ, sau đó Công ty V tiếp tục thanh toán cho Công ty A hai lần ngày 14/3/2017 số tiền 65.000.000đ, ngày 9/4/2019 là 30.003.400đ. Mặc dù bị đơn Công ty V không thừa nhận số tiền nợ gốc nhưng từ các căn cứ trên có đủ căn cứ xác định Công ty V còn nợ Công ty A số tiền 260.000.000đ phát sinh từ hợp đồng số 245.04/11/2016/HĐVC ngày 07/11/2019, do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty A là có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu khoản tiền lãi suất phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán: Tại hợp đồng số 245.04/11/2016/HĐVC thể hiện trách nhiệm thanh toán của Công ty V "*thanh toán phí bốc xếp và 30% cước vận chuyển ngay sau khi tầu bắt đầu xếp hàng, số tiền còn lại thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán*". Công ty A đã thực hiện xong việc vận chuyển hàng hóa, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và chuyển hồ sơ yêu cầu thanh toán cho Công ty V, do đó Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ hợp đồng. Đến nay Công ty V vẫn chưa thanh toán hết số tiền theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù trong hợp đồng các bên không thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nhưng căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả…"* Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm tính từ thời điểm ngày 14/3/2017 (ngày V thanh toán số tiền 65.000.000đồng) là có căn cứ chấp nhận, buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty A số tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm cụ thể như sau: Từ ngày 14/3/2017 đến ngày 8/4/2019 (là 2 năm 25 ngày) trên số nợ gốc 294.003.400đ bằng 54.758.000đ (đã làm tròn); Từ ngày 9/4/2019 đến ngày xét xử 29/5/2019 (là 53 ngày) trên số nợ gốc 260.000.000đ bằng 3.445.000đ. Tổng cộng bằng 58.203.000đ.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 74, 85, 86, 87, 297, 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A

Buộc Công ty V phải thanh toán trả Công ty A khoản tiền còn nợ từ hợp đồng vận chuyển số 245.04/11/2016/HĐVC ngày 07/11/2016 tiền gốc là

260.000.000đ (*Hai trăm sáu mười triệu đồng chẵn*) và tiền lãi phát sinh là 58.203.000đ (*Năm mươi tám triệu hai trăm linh ba nghìn đồng chẵn*). Tổng cộng là 318.203.000đ (*Ba trăm mười tám triệu hai trăm linh ba nghìn đồng chẵn*)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí: Công ty V phải chịu 15.910.000đ (*Mười lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty A 8.600.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004517 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy